BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: LỊCH SỬ
MÃ NGÀNH: 7229010
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO: LỊCH SỬ
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

HÀ NỘI – 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2025

ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: Lịch sử
Mã ngành đào tạo: 7229010
Chương trình đào tạo: Lịch sử
Trình độ đào tạo: Đại học
Loại hình đào tạo: Chính quy

Kính gửi: - Ban Giám hiệu Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
- Phòng Đào tạo.

I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu khái quát về Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

- Tên tiếng Việt: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (ĐHSPHN)
- Tên tiếng Anh: Hanoi National University of Education (HNUE)
- Bộ chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Năm thành lập: 1951 Loại hình trường: Công lập
- Địa chỉ: 136 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội
- Số điện thoại: (844) 7547823 Số fax: (844) 7547971
- Email: p.hcdn@hnue.edu.vn Website: https://www.hnue.edu.vn
- Sứ mạng: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội là trường đại học trọng điểm quốc gia và khu vực, đào tạo các chuyên gia xuất sắc có đóng góp đặc biệt quan trọng cho hệ thống giáo dục và xã hội thông qua các chương trình nghiên cứu, hợp tác đào tạo đại học và sau đại học có chất lượng cao.
- Tầm nhìn: Đến năm 2030, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội sẽ có những kết quả vượt trội trong nghiên cứu khoa học công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục, đào tạo giáo viên chất lượng cao ở tầm quốc gia và quốc tế.
- Giá trị cốt lõi: Chuẩn mực - Sáng tạo - Tiên phong.
- Triết lí giáo dục: Đào tạo nhà giáo xuất sắc có tinh thần nhân văn, tư duy hiện đại, hành động tích cực vì sự phát triển cộng đồng.

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội chính thức được thành lập ngày 11/10/1951 theo Nghị định số 276/NĐ của Bộ Quốc gia Giáo dục. Trải qua 74 năm phát triển, Nhà trường cũng đã đào tạo hàng vạn thạc sĩ, gần 2.000 tiến sĩ. Hiện nay, Nhà trường đang đảm nhiệm đào tạo: 52 chương trình đào tạo đại học hệ chính quy, trong đó có 07 chương trình chất lượng cao và 07 chương trình đào tạo giảng dạy bằng tiếng Anh; 32 chương trình đào tạo trình độ đại học hệ không chính quy; 70 chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, trong đó có 56 chương trình theo định hướng nghiên cứu và 14 chương trình theo định hướng ứng dụng; 42 chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ; 1014 viên chức, trong đó có 11 GS và 128 PGS, 430 tiến sĩ, 390 thạc sĩ. Giảng viên cơ hữu toàn thời gian là 705, 139 giảng viên cao cấp, 173 giảng viên chính và 309 giảng viên.

Với trọng trách là trường đại học trọng điểm của ngành giáo dục, có thế mạnh cả về đào tạo và nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội sẽ phải đi đầu và

nắm bắt cơ hội trong công cuộc đổi mới này. Bên cạnh nhiệm vụ đào tạo nguồn giáo viên cho các trường phổ thông, các trường đại học sư phạm cũng cần thích nghi với môi trường đổi mới của nền kinh tế thị trường, sự tự chủ của các trường đại học, tính đầy đủ của giáo dục và khoa học, cũng như ưu thế về khả năng mở rộng cơ hội nghề nghiệp đã dẫn đến sự cần thiết của hệ cử nhân trong các hệ đào tạo tại trường đại học sư phạm.

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã thành lập Hội đồng trường; đã được công nhận đạt chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục đại học. Nhà trường đã ban hành và tổ chức thực hiện quy chế tổ chức và hoạt động; quy chế tài chính và có chính sách bảo đảm chất lượng đáp ứng tiêu chuẩn do Nhà nước quy định. Thực hiện phân quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình đến từng đơn vị, cá nhân trong Trường. Công khai điều kiện bảo đảm chất lượng, kết quả kiểm định, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm và thông tin khác theo quy định của pháp luật.

1.2. Giới thiệu về khoa Lịch sử

Khoa Lịch sử thành lập từ năm 1951 - một trong những khoa được thành lập đầu tiên của trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Quá trình xây dựng và phát triển của khoa gắn liền với những bước phát triển của nhà trường và nền giáo dục đại học Việt Nam.

Khoa có 3 bộ môn: Lịch sử Việt Nam, Lịch sử Thế giới, Lý luận và phương pháp dạy học Lịch sử. Đội ngũ giảng viên của khoa hoàn toàn đảm bảo yêu cầu về trình độ, năng lực, chất lượng chuyên môn đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực Lịch sử. Giảng viên, học viên, sinh viên và các bộ phận khác được cập nhật kiến thức, khoa học công nghệ mới của các nước tiên tiến, được giao lưu, thăm quan, học tập tại các trường đại học nước ngoài, có tác phong làm việc chuyên nghiệp.

Khoa Lịch sử là đơn vị khởi xướng, phối hợp tổ chức nhiều Hội thảo Khoa học uy tín, có chất lượng học thuật cao. Năm 2023, Khoa Lịch sử đã phối hợp với Hội Giáo dục Lịch sử Việt Nam, Qũy Phát triển Sử học tổ chức Hội thảo Khoa học Quốc gia: *Môn Lịch sử trong Chương trình Giáo dục Phổ thông mới: Vấn đề đặt ra đối với nghiên cứu, giảng dạy.* Năm 2024, Khoa Lịch sử đã phối hợp với Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam tổ chức Hội thảo Khoa học Quốc gia: *Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954: Tầm vóc thời đại và giá trị di sản.*

Giảng viên của khoa đã và đang tham gia nhiều đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước và cấp Bộ. Ví dụ như đề tài cấp nhà nước: *Biên soạn bộ Bách khoa thư Việt Nam, quyển 22, ngành Lịch sử Thế giới* được thực hiện từ năm 2016 đến năm 2023 do GS.TS. Đỗ Thanh Bình làm Chủ nhiệm; 02 đề tài Nafosted gồm*: Hoạt động thông sứ giữa Việt Nam và Trung Quốc từ năm 1527 đến năm 1883* (mã số 601.01-2021.01) do PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Thủy làm chủ nhiệm; *Ngoại giao của nước nhỏ với nước lớn, tổ chức quốc tế, và những hàm ý chính sách đối với Việt Nam* (Mã số: 506.01-2021.02) do PGS.TS. Hoàng Hải Hà làm chủ nhiệm...

Khoa Lịch sử là một trong những đơn vị dẫn đầu về số lượng các đề tài, công bố, xuất bản trong Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Trong 05 năm trở lại đây (2010 - 2025), khoa đã có vài chục đề tài nghiên cứu khoa học các cấp từ cơ sở tới cấp Nhà nước trải rộng nhiều lĩnh vực khác nhau được thực hiện và nghiệm thu. Trong đó, các đề tài, dự án cơ bản, có định hướng ứng dụng chiếm ưu thế.

Hàng năm, có khoảng 10 lượt chuyên gia từ các nước đến khoa giảng dạy, bồi dưỡng, chủ trì và tham gia tổ chức các hội thảo khoa học thuộc lĩnh vực nghiên cứu và giảng dạy Lịch sử như Đại học Quốc gia Seoul (Hàn Quốc), Đại học San Diego (Hoa Kỳ), Đại học Paris I Panthéon Sorbonne (Pháp)...Giảng viên của khoa Lịch sử tích cực tham quan học hỏi tới các trường đại học, như Đại học Sư phạm Hoa Đông (Trung Quốc), Đại học Hamburg (Đức), Viện nghiên cứu Trung ương về Hàn Quốc học (Hàn Quốc)...

Khoa Lịch sử là một trong những cơ sở đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Lịch sử có uy tín.

Từ năm 1951, chương trình đào tạo Cử nhân sư phạm được Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) phê duyệt với mục tiêu là đào tạo và cung cấp cho xã hội các cử nhân sư phạm Lịch sử có trình độ cao, đáp ứng nhu cầu của xã hội

Từ năm học 1976-1977, khoa bắt đầu đào tạo hệ Thạc sĩ. Đến năm 1979, khoa bắt đầu tuyển sinh hệ đào tạo tiến sĩ. Cho đến nay, khoa đã và đang đào tạo 74 khóa cử nhân, 34 khóa thạc sĩ, 44 khóa tiến sĩ.

Về đào tạo đại học, khoa đang đào tạo 2 ngành bao gồm sư phạm Lịch sử và sư phạm Lịch sử - Địa lý với các hệ: sư phạm, sư phạm chất lượng cao. Về đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ, khoa đã và đang đào tạo 3 chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam, Lịch sử thế giới, Lí luận và PPDH Lịch sử.

Ngoài đào tạo trong khoa, khoa Lịch sử cũng đang đảm nhận giảng dạy nhiều bộ môn chung của Nhà trường: Cơ sở văn hóa Việt Nam, Nhân học đại cương, lịch sử văn minh thế giới.

Tính đến tháng 12 năm 2024, Khoa Lịch sử - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã đào tạo cho đất nước hàng vạn Cử nhân sư phạm Lịch sử, hàng trăm Thạc sĩ, hơn 200 Tiến sĩ Sử học. Nhiều người trong số đó đã trở thành những cán bộ nghiên cứu, cán bộ quản lý của nhiều cơ quan, ban, ngành ở Trung ương và các địa phương. Một số cán bộ của khoa qua các thời kì đã được điều động đi xây dựng khoa Lịch sử của nhiều trường đại học, cao đẳng sư phạm trên cả nước. Nhiều cán bộ được cử đi làm nhiệm vụ quốc tế, làm chuyên gia giáo dục tại Lào, Campuchia, Ăngôla, Angiêri, Môdămbích, Mađagatxca.

Với những đóng góp to lớn cho ngành giáo dục - đào tạo và nền sử học Việt Nam, Khoa Lịch sử - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã được Đảng, Nhà nước tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý. Năm 1996, khoa được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba. Năm 2001, khoa được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì, bộ môn Lịch sử Việt Nam được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba. Nhiều giảng viên của khoa được phong tặng danh hiệu Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo Ưu tú cùng các phần thưởng cao quý như Huân chương Lao động hạng Nhì, Huân chương Lao động hạng Ba. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Bộ Giáo dục và đào tạo…

Trong tình hình mới của đất nước và bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hiện nay, khoa tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, gắn kết chặt chẽ giữa giảng dạy và nghiên cứu khoa học, giữa khoa học cơ bản với khoa học giáo dục, tiếp tục đổi mới chương trình, nội dung và phương pháp giảng dạy, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong nghiên cứu và đào tạo, mở rộng hợp tác quốc tế.

Đối với việc đào tạo ngành Lịch sử trình độ đại học, khoa Lịch sử kiên định triết lí đào tạo là thực tiễn, thực nghiệp, gắn với việc ứng dụng tri thức lịch sử vào các lĩnh vực nghề nghiệp và cuộc sống.

1.3. Cở sở pháp lí xây dựng đề án đăng ký mở ngành đào tạo

- Quyết định số 1017/QĐ-TTg ngày 21/9/2024 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt chương trình "Phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến 2030, định hướng đến năm 2025".
- Công văn số 7781/BGDĐT-GDĐH ngày 9/12/2024 về việc triển khai chương trình "Phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến 2030, định hướng đến năm 2025".
- Nghị quyết Số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học quy định tại khoản 17, Điều 1 về điều kiện thực hiện quyền tự chủ của cơ sở giáo dục đại học được quy định như sau:

+ Đã thành lập hội đồng trường, hội đồng đại học; đã được công nhận đạt chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục đại học bởi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục;

+ Đã ban hành và tổ chức thực hiện quy chế tổ chức và hoạt động; quy chế tài chính; quy chế, quy trình, quy định quản lí nội bộ khác và có chính sách bảo đảm chất lượng đáp ứng tiêu chuẩn do Nhà nước quy định;

+ Thực hiện phân quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình đến từng đơn vị, cá nhân trong cơ sở giáo dục đại học;

+ Công khai điều kiện bảo đảm chất lượng, kết quả kiểm định, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm và thông tin khác theo quy định của pháp luật.

Theo Nghị định số 99/2019/NĐ-CP, cơ sở giáo dục đại học thực hiện quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình theo quy định của Luật Giáo dục đại học, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, trong đó có quyền tự chủ về học thuật và hoạt động chuyên môn.

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã đáp ứng đủ điều kiện thực hiện quyền tự chủ theo quy định tại khoản 17, do vậy được tự chủ mở ngành đào tạo theo quy định tại khoản 18 của Luật này, bao gồm quyền tự chủ xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo ngành dự kiến mở, phù hợp với quy định về Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

II. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

2.1. Hiện trạng đào tạo cử nhân Lịch sử tại Việt Nam

Hiện nay, số lượng Đại học, Học viện, Viện đào tạo ngành Lịch sử chưa nhiều (Trường đại học (Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Đại học Khoa học – Đại học Thái Nguyên). Do vậy số lượng sinh viên được đào tạo chuyên sâu về Lịch sử còn hạn chế cả về số lượng và chất lượng.

Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam luôn nhấn mạnh cần thiết phải nghiên cứu xây dựng mô hình đào tạo nhân lực Lịch sử từ giáo dục phổ thông đến đại học và trên đại học. Tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp Lịch sử, đơn vị sử dụng lao động với các cơ sở đào tạo nhân lực Lịch sử. Gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học và nhu cầu thực tiễn, bảo đảm số lượng và chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu. Chú trọng xây dựng đội ngũ nhà khoa học đầu ngành, hình thành và phát triển các nhóm nghiên cứu có uy tín đạt trình độ quốc tế trong lĩnh vực Lịch sử; tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo, xuất khẩu nhân lực Lịch sử có trình độ cao.

Hiện nay trên cả nước có khoảng trên 1000 trung tâm, công ty, đơn vị hoạt động liên quan đến ngành Lịch sử. Chính vì vậy, nhu cầu nhân lực ngành Lịch sử đang và sẽ tăng cao trong thời gian tới. Do đó, việc mở ngành đào tạo Cử nhân Lịch sử tại Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội là cấp thiết, nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực Lịch sử, đáp ứng nguyện vọng chính đáng của người học và yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội.

2.2. Nhu cầu thực tiễn về nhân lực ngành Lịch sử

Việt Nam đang bước vào thời kì công nghiệp hóa – hiện đại hóa mạnh mẽ, các ngành khoa học cũng đang từng bước chuyển mình để đáp ứng những yêu cầu của đất nước và thời đại. Nền Sử học Việt Nam đạt trình độ cao trong nghiên cứu ở một số lĩnh vực quan trọng, được ghi nhận trong khu vực và quốc tế. Việt Nam nằm trong nhóm các quốc gia hàng đầu tại châu Á về ứng dụng lịch sử vào giáo dục, nghiên cứu văn hóa và phát triển công nghiệp văn hóa, góp phần nâng cao nhận thức lịch sử và xây dựng nền

tảng phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Xây dựng nền khoa học Lịch sử hiện đại với đội ngũ nhân lực chất lượng cao, được đào tạo bài bản trong nước và quốc tế; đầu tư vào cơ sở vật chất, công nghệ và tài chính đủ mạnh để đáp ứng các yêu cầu nghiên cứu, bảo tồn, giảng dạy và ứng dụng lịch sử trong đời sống xã hội. Việt Nam với truyền thống Sử học lâu đời, đóng vai trò tiên phong trong khu vực về đổi mới nghiên cứu lịch sử và ứng dụng trong công nghiệp văn hóa. Các sáng kiến khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực lịch sử và bảo tồn văn hóa ngày càng phát triển, giúp Việt Nam khẳng định vị trí trong khu vực châu Á và trên trường quốc tế.

Trong sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, yếu tố khoa học, giáo dục, và văn hóa giữ vai trò vô cùng quan trọng. Đặc biệt, trong bối cảnh thế giới đang bước vào cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư với sự xuất hiện của những công nghệ hiện đại như trí tuệ nhân tạo (AI), internet vạn vật, công nghệ nano,... các ngành khoa học xã hội và nhân văn, đặc biệt là ngành Lịch sử, cần phải thích ứng để phát triển. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư không chỉ tạo ra thách thức mà còn mở ra cơ hội để ngành Lịch sử tái định vị vai trò của mình trong đời sống xã hội hiện đại.

Lịch sử không chỉ là môn khoa học nghiên cứu quá khứ mà còn là nền tảng giúp con người hiểu rõ hơn về những vấn đề của hiện tại và định hướng tương lai. Sự phát triển của các công nghệ hiện đại đã hỗ trợ ngành Lịch sử khai thác và xử lý dữ liệu lớn (big data), số hóa tư liệu, xây dựng các mô hình tái hiện lịch sử thông qua công nghệ thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR). Những ứng dụng này không chỉ nâng cao chất lượng nghiên cứu mà còn làm phong phú thêm phương pháp giảng dạy, góp phần lan tỏa giá trị lịch sử trong cộng đồng.

Tuy nhiên, hiện nay nguồn nhân lực ngành Lịch sử ở Việt Nam vẫn còn hạn chế cả về số lượng lẫn chất lượng. Theo khảo sát, sự thiếu hụt đội ngũ chuyên gia có khả năng ứng dụng công nghệ vào nghiên cứu và giảng dạy lịch sử đang là một thách thức lớn. Chỉ số chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam còn ở mức thấp so với các nước trong khu vực. Vì vậy, một đòi hỏi cấp thiết là cần xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo Lịch sử hiện đại, kết hợp giữa kiến thức chuyên môn và kỹ năng công nghệ, nhằm tạo ra thế hệ cử nhân Lịch sử có trình độ cao, đáp ứng được yêu cầu của xã hội.

Ngành Lịch sử không chỉ đóng vai trò bảo tồn, nghiên cứu và truyền đạt các giá trị văn hóa, lịch sử mà còn tham gia vào nhiều lĩnh vực thực tiễn khác nhau như quản lý di sản văn hóa, du lịch, truyền thông và giáo dục cộng đồng. Việc ứng dụng công nghệ hiện đại vào lĩnh vực Lịch sử đã cho thấy hiệu quả rõ rệt trong việc bảo tồn và quảng bá các giá trị văn hóa, lịch sử. Tại Việt Nam, ngành Lịch sử đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển văn hóa và giáo dục đến năm 2030.

Cụ thể, ngành này không chỉ tập trung vào nghiên cứu và giảng dạy mà còn đẩy mạnh các hoạt động kết nối lịch sử với đời sống thực tiễn, như xây dựng các bảo tàng số, tổ chức các chương trình trải nghiệm thực tế tại các di tích lịch sử thông qua công nghệ VR/AR, và khai thác các giá trị lịch sử để phát triển du lịch bền vững. Với tiềm năng phát triển mạnh mẽ, ngành Lịch sử không chỉ là nền tảng cho việc hiểu biết quá khứ mà còn là cầu nối giúp định hình tương lai. Đây là một trong những lĩnh vực giàu tiềm năng dành cho các bạn trẻ thế hệ trẻ, những người luôn khao khát tìm kiếm cơ hội học hỏi và cống hiến trong thời đại công nghệ cao.

Định hướng phát triển của nhà trường trong tương lai sẽ thành Đại học đa ngành, đa lĩnh vực đòi hỏi Khoa Lịch sử phải đổi mới mô hình và chương trình đào tạo nhằm đáp ứng được yêu cầu của đất nước trong giai đoạn mới. Mô hình và chương trình đào tạo của Khoa Lịch sử phải nêu bật được bản sắc sư phạm của nhà trường, phát triển phẩm

chất và năng lực của người học nhằm đáp ứng được yêu cầu về nguồn nhân lực của xã hội làm trọng tâm.

Bên cạnh đó, tạo tiền đề thuận lợi để những sinh viên học giỏi và ham mê lịch sử có điều kiện phát triển, đi sâu vào nghiên cứu Lịch sử hoặc sử dụng được các tri thức Lịch sử để làm việc trong các đơn vị hành chính – sự nghiệp nhà nước và tư nhân có liên quan.

III. ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH

3.1. Về ngành đào tạo và trình độ đào tạo dự kiến mở

Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ. Dựa trên năng lực hiện có của Khoa Lịch sử, thời gian dự kiến triển khai tuyển sinh chương trình Lịch sử bắt đầu từ năm 2025.

Chi tiết thông tin về Chương trình đào tạo Lịch sử

- Tên chương trình (Tiếng Việt/Tiếng Anh): Lịch sử/History
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Tên ngành đào tạo (Tiếng Việt/Tiếng Anh): Lịch sử/ History
- Mã ngành đào tạo: 7229010
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Thời gian đào tạo chính khóa: 4 năm
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
- Tên văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân
- Khoa quản lý/đào tạo: Lịch sử

3.2. Về đội ngũ giảng viên

Để đáp ứng yêu cầu của Đại học trong thời kỳ hội nhập, đội ngũ cán bộ của khoa hiện nay đang ở giai đoạn cơ cấu cán bộ vàng. Tính đến tháng 12-2024, tổng số giảng viên trong khoa (bao gồm cả giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo) có 9 Phó giáo sư tiến sĩ;, 13 Tiến sĩ, 01 Thạc sĩ, 01 Cử nhân.

Số giảng viên cơ hữu có chuyên ngành về khoa học cơ bản là 06 Phó giáo sư tiến sĩ; 10 tiến sĩ, gồm: PGS.TS. Phan Ngọc Huyền, TS. Trần Xuân Trí, TS. Nguyễn Thu Hiền, TS. Phạm Thị Tuyết, PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Thủy, TS. Lê Hoàng Linh, PGS.TS. Hoàng Hải Hà, TS. Vũ Đức Liêm, TS. Phạm Thị Thanh Huyền, TS. Tống Thị Quỳnh Hương, PGS.TS. Văn Ngọc Thành, PGS.TS. Đào Tuấn Thành, TS. Ninh Xuân Thao, PGS.TS. Nguyễn Thị Huyền Sâm, TS. Trần Nam Trung, TS. Lê Hiến Chương.

Chi tiết danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu có chuyên ngành về khoa học cơ bản tham gia giảng dạy các môn học/học phần của chương trình Lịch sử như sau:

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm	Học vị, nước tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Học phần/môn học giảng dạy	Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
1	Phan Ngọc Huyền, 1983,	PGS	Tiến sĩ, Trung	Lịch sử/Lịch sử Việt Nam	- Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVI đến năm 1858	Chủ trì mở ngành

	GVCC		Quốc		- Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam - Thực tập chuyên ngành 2	
2	Trần Xuân Trí, 1974, GVC		Tiến sĩ, Việt Nam	Lịch sử/Lịch sử Việt Nam	- Các phương pháp nghiên cứu lịch sử - Địa phương chí - Lịch sử Việt Nam từ năm 1858 đến năm 1945 - Lịch sử văn minh Việt Nam	Giảng viên cơ hữu, giảng dạy, hướng dẫn KLTN.
3	Nguyễn Thu Hiền, 1983, GVC		Tiến sĩ, Việt Nam	Lịch sử/Lịch sử Việt Nam	- Lịch sử Sử học Lịch sử Việt Nam từ nguyên thủy đến thế kỉ XV - Một số vấn đề biển đảo Việt Nam	Giảng viên cơ hữu, giảng dạy, hướng dẫn KLTN.
4	Phạm Thị Tuyết, 1974, GVC		Tiến sĩ, Việt Nam	Lịch sử/Lịch sử Việt Nam	- Lịch sử Việt Nam từ năm 1945 đến nay - Làng xã và đô thị Việt Nam trong lịch sử - Cải cách và đổi mới trong lịch sử Việt Nam - Biến đổi cơ cấu kinh tế, xã hội Việt Nam từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XXI	Giảng viên cơ hữu, giảng dạy, hướng dẫn KLTN.
5	Nguyễn Thị Thu Thủy, 1983, GVCC	PGS, 2024	Tiến sỹ, Trung Quốc	Lịch sử/Lịch sử Việt Nam	- Di sản văn hóa và bảo tồn di sản văn hóa - Lịch sử Việt Nam từ nguyên thủy đến thế kỉ XV - Khai hoang và xác lập chủ quyền trong lịch sử Việt Nam	Giảng viên cơ hữu, giảng dạy, hướng dẫn KLTN.
6	Lê Hoàng Linh, 1983, GV		Tiến sĩ, Trung Quốc	Lịch sử/Lịch sử Việt Nam	- Chiến tranh bảo vệ tổ quốc và giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam - Miền Nam Việt Nam 1954-1975	Giảng viên cơ hữu, giảng dạy, hướng dẫn KLTN.
7	Hoàng Hải Hà, 1984, GVCC	PGS	Tiến sĩ, Bỉ, Italia.	Lịch sử/Lịch sử Việt Nam	- Lịch sử ngoại giao Việt Nam	Giảng viên cơ hữu, giảng dạy, hướng dẫn KLTN.
8	Lê Hiến Chương, 1979, GVC		Tiến sĩ, Việt Nam.	Lịch sử Việt Nam	- Cải cách và đổi mới trong lịch sử Việt Nam	Giảng viên cơ hữu, giảng dạy, hướng dẫn KLTN.
9	Vũ Đức Liêm, 1986, GV		Tiến sĩ, Đức.	Lịch sử/Lịch sử thế giới	- Lịch sử văn minh thế giới - Lịch sử thế giới trung đại - Lịch sử và văn hóa Đông Nam Á - Giao lưu văn hóa Đông –	Giảng viên cơ hữu, giảng dạy, hướng dẫn KLTN.

					Tây trong lịch sử thế giới cổ – trung đại - Lịch sử toàn cầu hóa	
10	Phạm Thị Thanh Huyền, 1983, GVC		Tiến sĩ, Việt Nam.	Lịch sử/Lịch sử thế giới	- Lịch sử văn minh thế giới - Nhập môn sử học - Khảo cổ học đại cương - Thực tế chuyên môn - Lịch sử các tôn giáo lớn trên thế giới	Giảng viên cơ hữu, giảng dạy, hướng dẫn KLTN.
11	Tống Thị Quỳnh Hương, 1983, GVC		Tiến sĩ, Việt Nam.	Lịch sử/Lịch sử thế giới	- Lịch sử văn minh thế giới - Nhập môn sử học - Lịch sử Sử học - Khảo cổ học đại cương - Văn hóa Trung Quốc và Ấn Độ thời cổ – trung đại	Giảng viên cơ hữu, giảng dạy, hướng dẫn KLTN.
12	Văn Ngọc Thành, 1966, GVCC	PGS	Tiến sĩ, Việt Nam.	Lịch sử/Lịch sử thế giới	- Lịch sử văn minh thế giới - Lịch sử quan hệ quốc tế đại cương - Phương pháp luận sử học - Trật tự thế giới: Lịch sử và vấn đề - Phong trào giải phóng dân tộc trong thế kỉ XX	Giảng viên cơ hữu, giảng dạy, hướng dẫn KLTN.
13	Đào Tuấn Thành, 1971, GVCC	PGS	Tiến sĩ, Rumani.	Lịch sử/Lịch sử thế giới	- Lịch sử văn minh thế giới - Lịch sử thế giới cận đại - Lịch sử thế giới hiện đại - Quá trình hình thành và phát triển của chủ nghĩa tư bản	Giảng viên cơ hữu, giảng dạy, hướng dẫn KLTN.
14	Ninh Xuân Thao, 1987, TS		Tiến sĩ, Pháp, 2019	Lịch sử/Lịch sử thế giới	- Lịch sử văn minh thế giới - Lịch sử quan hệ quốc tế đại cương - Các phương pháp nghiên cứu lịch sử - Lịch sử thế giới hiện đại - Lịch sử các cuộc cách mạng công nghiệp - Hoa Kỳ và Trung Quốc (thế kỉ XX – đầu thế kỉ XXI)	Giảng viên cơ hữu, giảng dạy, hướng dẫn KLTN.
15	Nguyễn Thị Huyền Sâm, 1974, GVCC	PGS	Tiến sĩ, Việt Nam, 2006	Lịch sử/Lịch sử thế giới	- Lịch sử văn minh thế giới - Lịch sử thế giới cận đại - Lịch sử thế giới hiện đại - Cải cách, đổi mới ở châu Á thời cận – hiện đại - Quá trình hình thành và	Giảng viên cơ hữu, giảng dạy, hướng dẫn KLTN.

					phát triển của chủ nghĩa tư bản - Chủ nghĩa xã hội – Lí luận và thực tiễn	
16	Trần Nam Trung, 1974, GVC		Tiến sĩ, Việt Nam, 2011	Lịch sử/Lịch sử thế giới	- Lịch sử văn minh thế giới - Nhập môn sử học - Lịch sử thế giới cổ đại - Lịch sử thế giới trung đại	Giảng viên cơ hữu, giảng dạy, hướng dẫn KLTN.

3.3. Điều kiện về cơ sở vật chất

Khoa Lịch sử nói riêng, Nhà trường nói chung có đầy đủ điều kiện và phương tiện phục vụ giảng dạy như hệ thống phòng tư liệu, phòng học, phòng tự học cho học viên, phòng học dành cho các môn chuyên ngành được trang bị đầy đủ thiết bị phục vụ cho việc dạy học và thực hành với tổng hơn 20 phòng; Có 03 phòng bộ môn trọng điểm với các trang thiết bị hiện đại, phục vụ và đáp ứng các nghiên cứu chuyên sâu, hiện đại. Phòng hội nghị, hội thảo dùng chung với Nhà trường với diện tích trên 1.000 m2. Khoa có 14 đầu thiết bị phục vụ cho đào tạo chuyên ngành; 131 thiết bị phục vụ cho giảng dạy và đào tạo

Nhà trường và Khoa đã chuẩn bị đầy đủ các nguồn tài liệu sách và giáo trình học tập chuyên ngành: sách, giáo trình, bài báo, tạp chí chuyên ngành,... đáp ứng cho công tác nghiên cứu, giảng dạy sẵn sàng phục vụ ngay sau khi mã ngành được cho phép đào tạo.

Hệ thống sách, báo, tạp chí trong Phòng tư liệu khoa luôn được cập nhật một cách thường xuyên, bảo đảm cung cấp đầy đủ các tư liệu học tập thiết yếu để đáp ứng nhu cầu nghiên cứu và học tập của sinh viên. Đặc biệt, Nhà trường không ngừng chú trọng đầu tư vào việc xây dựng và nâng cấp hệ thống tài liệu học thuật, bao gồm cả giáo trình cơ bản và tài liệu tham khảo chuyên sâu, phục vụ cho các khoa và ngành đào tạo. Những tài liệu này được chọn lọc kỹ lưỡng, cập nhật theo xu hướng phát triển mới nhất của các lĩnh vực chuyên ngành, nhằm mang đến nguồn kiến thức hiện đại và phù hợp với yêu cầu đào tạo chuẩn đầu ra của cử nhân Lịch sử.

Hiện nay, thư viện của Khoa đã trang bị hàng trăm đầu sách giáo trình và tài liệu tham khảo, bao gồm cả các tài liệu trong nước và quốc tế, nhằm hỗ trợ tối đa cho quá trình học tập, nghiên cứu chuyên sâu của sinh viên. Những tài liệu này không chỉ giúp người học tiếp cận với tri thức mới mà còn góp phần nâng cao năng lực tự học, tư duy phản biện, và kỹ năng nghiên cứu độc lập, đáp ứng tốt các tiêu chí đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong thời kỳ hội nhập.

3.4. Chương trình đào tạo

3.4.1. Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu chung

Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về các học phần thuộc khối kiến thức chung, khối kiến thức theo lĩnh vực và khối ngành, khối kiến thức cơ bản và hệ thống về tiến trình lịch sử Việt Nam và lịch sử Thế giới; về một số học phần bổ trợ của ngành khoa học lịch sử cùng với các phương pháp nghiên cứu lịch sử để có thể tự học và học tiếp lên bậc cao hơn; giúp người học hoàn thiện và nâng cao năng lực làm việc trong thực tế, đáp ứng được yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao về lịch sử và văn hoá của thị trường lao động hiện nay.

Mục tiêu cụ thể

PO1: Đào tạo cử nhân ngành Lịch sử có phẩm chất đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp; có năng lực tự chủ, sáng tạo và vận dụng tri thức để khởi nghiệp, tạo việc làm;

đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của xã hội.

PO2: Đào tạo cử nhân ngành Lịch sử có năng lực chuyên môn vững vàng, kỹ năng giải quyết vấn đề liên ngành, khả năng lãnh đạo và làm việc trong môi trường đa văn hóa, đồng thời có ý thức trách nhiệm xã hội, góp phần vào sự phát triển bền vững.

PO3: Đào tạo cử nhân ngành Lịch sử có khả năng nghiên cứu liên ngành, tổ chức nghiên cứu khoa học, truyền đạt kiến thức và phát triển tư duy khoa học, đồng thời duy trì học tập suốt đời và thích ứng với thị trường lao động trong nước và quốc tế.

PO4: Đào tạo cử nhân ngành Lịch sử có khả năng vận dụng các kiến thức tổng hợp của khoa học xã hội nhân văn và tri thức sử học, để phân tích và đánh giá tư liệu hoặc vấn đề cụ thể của lịch sử, đề xuất giải pháp và xây dựng kế hoạch xử lí tư liệu hoặc vấn đề; có khả năng mô phỏng và tư vấn bảo tồn, phát triển các sản phẩm thuộc về lịch sử và văn hoá, đáp ứng mục tiêu xây dựng văn hoá là nguồn lực cho phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước hiện nay.

PO5: Đào tạo cử nhân ngành Lịch sử có khả năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành và công nghệ thông tin để hỗ trợ nghiên cứu khoa học, giảng dạy và phát triển nghề nghiệp.

3.4.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và ma trận kết nối với mục tiêu đào tạo

Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Người học sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Lịch sử có khả năng:

PLO1: Thể hiện được tinh thần yêu nước, hiểu biết và hành động phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm với cộng đồng.

PLO2: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng cơ bản trong phán đoán và tự chủ chuyên môn để nhận diện và thích ứng được với sự phát triển của nghề nghiệp và văn hóa - xã hội.

PLO3: Sử dụng được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn để phát hiện và giải quyết các vấn đề của khoa học chuyên ngành.

PLO4: Tham gia tích cực, có trách nhiệm vào các hoạt động xã hội để lan toả các tri thức về lịch sử, văn hóa nhằm phục vụ cộng đồng, góp phần phát triển văn hóa xã hội của các địa phương.

PLO5: Tổ chức, lãnh đạo để thực hiện hiệu quả công việc nghiên cứu khoa học và tạo dựng môi trường làm việc thân thiện, tôn trọng sự khác biệt.

PLO6: Làm chủ các kiến thức về khoa học xã hội nhân văn nói chung và Lịch sử nói riêng để phổ biến kiến thức, phát triển tư duy Lịch sử cho những người xung quanh.

PLO7: Sử dụng các kiến thức về Sử học để phát triển nghề nghiệp, từng bước nâng cao năng lực và nghề nghiệp chuyên môn của bản thân.

PLO8: Tích lũy được nền tảng tri thức vững chắc, sâu rộng về Lịch sử để vận dụng các tri thức đó nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra cũng như đáp ứng được yêu cầu về chuyên môn trong công việc.

PLO9: Phát hiện được các vấn đề nghiên cứu về các lĩnh vực của Sử học, thực hiện được nghiên cứu để ứng dụng vào thực tiễn các công việc có liên quan.

PLO10: Sử dụng kiến thức chuyên ngành về Lịch sử để nghiên cứu, xây dựng kế hoạch làm việc gắn với chuyên môn được đào tạo nhằm đáp ứng được yêu cầu thực tiễn về công việc.

PLO11: Sử dụng các kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành Lịch sử để tư vấn, thuyết minh cho các dự án, việc làm có liên quan.

PLO12: Sử dụng được 1 trong 5 ngoại ngữ đạt chuẩn bậc 3 trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam cùng các phần mềm ứng dụng và phương tiện truyền thông để phục vụ cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, giảng dạy và phát triển nghề nghiệp của bản thân.

Ma trận kết nối mục tiêu đào tạo với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Mục tiêu của chương trình (POs)	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)
PO1. Đào tạo cử nhân ngành Lịch sử có phẩm chất đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp; có năng lực tự chủ, sáng tạo và vận dụng tri thức để khởi nghiệp, tạo việc làm; đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của xã hội.	**PLO1.** Thể hiện được tinh thần yêu nước, hiểu biết và hành động phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm với cộng đồng.
	PLO2. Vận dụng được kiến thức, kỹ năng cơ bản trong phán đoán và tự chủ chuyên môn để nhận diện và thích ứng được với sự phát triển của nghề nghiệp và văn hóa - xã hội.
PO2. Đào tạo cử nhân ngành Lịch sử có năng lực chuyên môn vững vàng, kỹ năng giải quyết vấn đề liên ngành, khả năng lãnh đạo và làm việc trong môi trường đa văn hóa, đồng thời có ý thức trách nhiệm xã hội, góp phần vào sự phát triển bền vững.	**PLO3.** Sử dụng được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn để phát hiện và giải quyết các vấn đề của khoa học chuyên ngành.
	PLO4. Tham gia tích cực, có trách nhiệm vào các hoạt động xã hội để lan toả các tri thức về lịch sử, văn hóa nhằm phục vụ cộng đồng, góp phần phát triển văn hóa xã hội của các địa phương.
PO3. Đào tạo cử nhân ngành Lịch sử có khả năng nghiên cứu liên ngành, tổ chức nghiên cứu khoa học, truyền đạt kiến thức và phát triển tư duy khoa học, đồng thời duy trì học tập suốt đời và thích ứng với thị trường lao động trong nước và quốc tế.	**PLO5.** Tổ chức, lãnh đạo để thực hiện hiệu quả công việc nghiên cứu khoa học và tạo dựng môi trường làm việc thân thiện, tôn trọng sự khác biệt.
	PLO6. Làm chủ các kiến thức về khoa học xã hội nhân văn nói chung và Lịch sử nói riêng để phổ biến kiến thức, phát triển tư duy Lịch sử cho những người xung quanh.
	PLO7. Sử dụng các kiến thức về Sử học để phát triển nghề nghiệp, từng bước nâng cao năng lực và nghề nghiệp chuyên môn của bản thân.
PO4: Đào tạo cử nhân ngành Lịch sử có khả năng vận dụng các kiến thức tổng hợp của khoa học xã hội nhân văn và tri thức sử học, để phân tích và đánh giá tư liệu hoặc vấn đề cụ thể của lịch sử, đề xuất giải pháp và xây dựng kế hoạch xử lí tư liệu hoặc vấn đề; có khả năng mô phỏng và tư vấn bảo tồn, phát triển các sản phẩm thuộc về lịch sử và văn hoá, đáp ứng mục tiêu xây dựng văn	**PLO8.** Tích lũy được nền tảng tri thức vững chắc, sâu rộng về Lịch sử để vận dụng các tri thức đó nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra cũng như đáp ứng được yêu cầu về chuyên môn trong công việc.
	PLO9. Phát hiện được các vấn đề nghiên cứu về các lĩnh vực của Sử học, thực hiện được nghiên cứu để ứng dụng vào thực tiễn các công việc có liên quan.
	PLO10. Sử dụng kiến thức chuyên ngành về Lịch sử để nghiên cứu, xây dựng kế hoạch làm việc gắn với chuyên môn được đào tạo nhằm đáp ứng được yêu cầu thực tiễn về công việc.

hoá là nguồn lực cho phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước hiện nay.	**PLO11.** Sử dụng các kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành Lịch sử để tư vấn, thuyết minh cho các dự án, việc làm có liên quan.
PO5. Đào tạo cử nhân ngành Lịch sử có khả năng sử dụng ngoại ngữ chuyên ngành và công nghệ thông tin để hỗ trợ nghiên cứu khoa học, giảng dạy và phát triển nghề nghiệp.	**PLO12.** Sử dụng được 1 trong 5 ngoại ngữ đạt chuẩn bậc 3 trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam cùng các phần mềm ứng dụng và phương tiện truyền thông để phục vụ cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, giảng dạy và phát triển nghề nghiệp của bản thân.

3.4.3 Cơ hội việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo với bằng Cử nhân Lịch sử, sinh viên có thể có nhiều cơ hội việc làm thông qua hợp tác đào tạo nguồn nhân lực của khoa với các đơn vị đối tác cũng như nhu cầu của thị trường. Cụ thể sinh viên có thể trở thành:

- Giảng viên đào tạo trong lĩnh vực Lịch sử của các trường đại học, cao đẳng, học viện.
- Giảng dạy môn Lịch sử, tham gia các hoạt động giáo dục khác ở trường THCS, THPT, trung cấp, cao đẳng, đại học.
- Nghiên cứu Lịch sử và Giáo dục lịch sử ở các Viện, Trung tâm nghiên cứu.
- Thuyết minh viên ở bảo tàng, hướng dẫn viên du lịch, biên tập viên các nhà xuất bản, chuyên viên Ban tuyên giáo các cấp, cán bộ Đoàn thanh niên và cán bộ chuyển môn tại các cơ sở giáo dục, văn hóa, xã hội.
- Học lên các bậc học cao hơn với chương trình đào tạo liên thông từ đại học lên thạc sĩ và tiến sĩ.

3.4.4. Khái quát chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo được xây dựng theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tại Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2015 của Bộ GD&DT ban hành quy chế về khối lượng kiến thức tối thiểu yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của BGDĐH và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo, đại học, thạc sĩ; Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ GD&ĐT quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học; Thông tư số 9/2022/TT-BGDĐT, ngày 06/06/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học.

Ngoài thực hiện đúng các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về trình tự thủ tục mở ngành, Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo đã tham khảo chương trình đào tạo của nhiều trường đại học khác đào tạo về ngành Lịch sử. Trong nước, các chương trình đào tạo đã tham khảo bao gồm chương trình của các cơ sở đào tạo như: Trường Đại học KHXH&NV (ĐHQG Hà Nội), Trường Đại học KHXH&NV (ĐHQG TP.HCM), Trường Đại học Khoa học Huế (Đại học Huế), Trường Đại học Đà Lạt.

Ở phạm vi quốc tế, Hội đồng xây dựng chương trình đã tham khảo các chương trình của Đại học Quốc gia Seoul (Seoul National University), Đại học Bắc Kinh (Peking University), Đại học Vũ Hán (Wuhan University), Đại học Chulalongkorn (Chulalongkorn University). Trên cơ sở đó, hội đồng xây dựng chương trình đã tổng hợp các yếu tố, vận dụng và xây dựng chương trình đào tạo phù hợp với điều kiện và thực tế của trường.

Sinh viên được đào tạo theo chương trình Lịch sử tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội sẽ được tuân thủ đúng quy trình đảm bảo chất lượng của Bộ GD&ĐT quy định.

Đồng thời, Trường cũng định hướng theo đặc thù nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn Việt Nam và hội nhập quốc tế.

a) Cấu trúc của chương trình

Khối lượng kiến thức toàn khóa: 126 tín chỉ (chưa bao gồm kiến thức Giáo dục Quốc phòng - an ninh và Giáo dục thể chất), phân bổ thành 8 học kỳ trong 4 năm.

Tổng số tín chỉ: 126 (Chưa kể phần nội dung GDTC và GDQP)

TT	Nhóm	Tín chỉ	Tỉ lệ
A	Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng		
B	Khối học vấn chung toàn trường	25	27.8%
C	Khối học vấn nhóm ngành	10	
D	Khối học vấn chuyên ngành	66	72.2%
E	Khối học vấn đào tạo năng lực nghề	25	
Tổng số		**126**	**100%**

b) Khung chương trình đào tạo

TT	Tên các học phần	Mã học phần	Học kì	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần/ số tín chỉ tiên quyết
					Lí thuyết	Thực hành, thực địa, thảo luận	Số giờ tự học, tự nghiên cứu	
I	**Khối học vấn chung**			**35**				
I.1	**Khối học vấn chung toàn trường**			**25**				
	Bắt buộc			**23**				
1	Triết học Mác – Lênin	PHIS 105	1	**3**	36	9	105	
2	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	POLI 104	1	**2**	20	10	70	PHIS 105
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	POLI 106	2	**2**	20	10	70	PHIS 105, POLI 104
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	POLI 204	2	**2**	20	10	70	PHIS 105, POLI 104, POLI 106
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI 202	2	**2**	20	10	70	PHIS 105, POLI 104, POLI 106
6	Tiếng Anh 1-A1 A2	ENGL 103/104	1	**3**	30	15	105	
7	Tiếng Anh 2-A2 B1	ENGL 105/106	2	**3**	28	17	105	

TT	Tên các học phần	Mã học phần	Học kì	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần/ số tín chỉ tiên quyết
					Lí thuyết	Thực hành, thực địa, thảo luận	Số giờ tự học, tự nghiên cứu	
8	Tiếng Trung 1	CHIN 105	1	**3**	30	15	105	
9	Tiếng Pháp 1	FREN 104	1	**3**	30	15	105	
10	Tiếng Nga 1	RUSS 105	1	**3**	30	15	105	
11	Tiếng Trung 2	CHIN 106	2	**3**	30	15	105	
12	Tiếng Pháp 2	FREN 106	2	**3**	30	15	105	
13	Tiếng Nga 2	RUSS 106	2	**3**	30	15	105	
14	Tâm lí học giáo dục	PSYC 101	1	**4**	45	15	140	
15	Thống kê xã hội học	MATH 137	1	**2**	20	10	70	
	Tự chọn			**2/6**				
16	Tin học đại cương *	COMP 103	1	**2**	9.5	19.5	71	
17	Tiếng Việt thực hành *	COM M 106	1	**2**	10	20	70	
18	Nghệ thuật đại cương	COM M 107	1	**2**	15	15	70	
	Giáo dục thể chất							
19	Giáo dục thể chất 1	PHYE 150	1	**1**	2	26	22	
20	Giáo dục thể chất 2	PHYE 151	2	**1**	2	26	22	
21	Giáo dục thể chất 3	PHYE 250	3	**1**	2	26	22	
22	Giáo dục thể chất 4	PHYE 251	4	**1**	2	26	22	
23	Giáo dục quốc phòng (HP1: Đường lối QP và An ninh của ĐCSVN)	DEFE 105		**3**	42	3	105	
24	Giáo dục quốc phòng (HP2: Công tác quốc phòng và an ninh)	DEFE 106		**2**	25	5	70	

TT	Tên các học phần	Mã học phần	Học kì	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần/ số tín chỉ tiên quyết
					Lí thuyết	Thực hành, thực địa, thảo luận	Số giờ tự học, tự nghiên cứu	
25	Giáo dục quốc phòng (HP3: Quân sự chung)	DEFE 205		**2**	25	5	70	
26	Giáo dục quốc phòng (HP4: Kĩ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)	DEFE 206		**4**	30	15	155	
I.2.	**Khối học vấn chung của nhóm ngành**			**10**				
	Nhóm ngành Khoa học Xã hội							
27	Cơ sở văn hóa Việt Nam	COM M 105	1	**2**	18	12	70	
28	Nhập môn Khoa học Xã hội và Nhân văn	COM M 103	1	**2**	20	10	70	
29	Nhân học đại cương	COM M 108	2	**2**	22	8	70	
30	Xã hội học đại cương	COM M 109	2	**2**	22	8	70	
31	Lịch sử văn minh thế giới	COM M 110	1	**2**	22	8	70	
II	**Khối học vấn đào tạo năng lực nghề**			**25**				
	Nghiệp vụ chuyên ngành			**18**				
	Bắt buộc			**12**				
32	Nhập môn sử học	HIST 7201	2	**3**	42	6	102	
33	Phương pháp luận sử học	HIST 7202	5	**3**	42	6	102	
34	Các phương pháp nghiên cứu lịch sử	HIST 7203	5	**3**	42	6	102	
35	Lịch sử Sử học	HIST 7204	5	**3**	42	6	102	
	Tự chọn			**6/12**				
36	Nghiên cứu và trình bày Lịch sử trong thời đại số	HIST 7205	4	**3**	42	6	102	

TT	Tên các học phần	Mã học phần	Học kì	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần/ số tín chỉ tiên quyết
					Lí thuyết	Thực hành, thực địa, thảo luận	Số giờ tự học, tự nghiên cứu	
37	Địa phương chí	HIST 7206	4	**3**	42	6	102	
38	Di sản văn hóa và bảo tồn di sản văn hóa	HIST 7207	4	**3**	42	6	102	
39	Sử học với công nghiệp văn hóa	HIST 7208	4	**3**	42	6	102	
	Thực hành nghề			**07**				
40	Thực tập chuyên ngành 1	HIST 7209	8	**3**	42	6	102	
41	Thực tập chuyên ngành 2	HIST 7210	8	**4**	56	8	136	
III	**Khối học vấn chuyên ngành**			**66**				
	Lí luận, thực tế			**8**				
42	Khảo cổ học đại cương	HIST 303	2	**2**	28	4	68	
43	Địa chính trị	HIST 7211	3	**2**	42	6	102	
44	Lịch sử quan hệ quốc tế đại cương	HIST 305	3	**3**	42	6	102	
45	Thực tế chuyên môn	HIST 616	6	**1**	5	20	25	
	Thông sử thế giới			**14**				
46	Lịch sử thế giới cổ đại	HIST 302	2	**3**	42	6	102	
47	Lịch sử thế giới trung đại	HIST 400	3	**3**	42	6	102	
48	Lịch sử thế giới cận đại	HIST 500	4	**4**	56	8	136	
49	Lịch sử thế giới hiện đại	HIST 601	5	**4**	56	8	136	
	Thông sử khu vực			**4**				
50	Lịch sử và văn hóa Đông Nam Á	HIST 403	4	**4**	56	8	136	
	Thông sử Việt Nam			**12**				

TT	Tên các học phần	Mã học phần	Học kì	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần/ số tín chỉ tiên quyết
					Lí thuyết	Thực hành, thực địa, thảo luận	Số giờ tự học, tự nghiên cứu	
51	Lịch sử Việt Nam từ nguyên thủy đến thế kỉ XV	HIST 321	2	**3**	42	6	102	
52	Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVI đến năm 1858	HIST 421	3	**3**	42	6	102	
53	Lịch sử Việt Nam từ năm 1858 đến năm 1945	HIST 401	4	**3**	42	6	102	
54	Lịch sử Việt Nam từ năm 1945 đến nay	HIST 501	5	**3**	42	6	102	
	Học phần định hướng chuyên ngành LSVN			**28 TC**				
	Bắt buộc			**22**				
55	Làng xã và đô thị Việt Nam trong lịch sử	HIST 609	6	**3**	42	6	102	
56	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	HIST 606	6	**3**	42	6	102	
57	Chiến tranh bảo vệ tổ quốc và giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam	HIST 711	7	**4**	56	8	136	
58	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam	HIST 709	7	**3**	42	6	102	
59	Cải cách và đổi mới trong lịch sử Việt Nam	HIST 7212	7	**3**	42	6	102	
60	Khai hoang và xác lập chủ quyền trong lịch sử Việt Nam	HIST 7213	7	**3**	42	6	102	
61	Biến đổi cơ cấu kinh tế, xã hội Việt Nam từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XXI	HIST 712	7	**3**	42	6	102	
	Tự chọn (Chọn 02/04 môn)			**6**				

TT	Tên các học phần	Mã học phần	Học kì	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần/ số tín chỉ tiên quyết
					Lí thuyết	Thực hành, thực địa, thảo luận	Số giờ tự học, tự nghiên cứu	
62	Lịch sử văn minh Việt Nam	HIST 607	6	**3**	42	6	102	
63	Lịch sử giáo dục Việt Nam	HIST 7214	6	**3**	42	6	102	
64	Một số vấn đề lịch sử biển đảo Việt Nam	HIST 7215	6	**3**	42	6	102	
65	Miền Nam Việt Nam 1954-1975	HIST 612	6	**3**	42	6	102	
	Học phần định hướng chuyên ngành Lịch sử Thế giới			**28 TC**				
	Bắt buộc							
66	Giao lưu văn hóa Đông – Tây trong lịch sử thế giới cổ – trung đại	HIST 701	6	**3**	42	6	102	
67	Trật tự thế giới: Lịch sử và vấn đề	HIST 7216	6	**3**	42	6	102	
68	Quá trình hình thành và phát triển của chủ nghĩa tư bản	HIST 706	7	**3**	42	6	102	
69	Phong trào giải phóng dân tộc trong thế kỉ XX	HIST 708	7	**4**	56	8	136	
70	Chủ nghĩa xã hội – Lí luận và thực tiễn	HIST 707	7	**3**	42	6	102	
71	Hoa Kỳ và Trung Quốc (thế kỉ XX – đầu thế kỉ XXI)	HIST 7216	7	**3**	42	6	102	
72	Lịch sử toàn cầu hóa	HIST 7218	7	**3**	42	6	102	
	Tự chọn (Chọn 02/04 môn)							
73	Lịch sử các tôn giáo lớn trên thế giới	HIST 7219	6	**3**	42	6	102	
74	Văn hóa Trung Quốc và Ấn Độ thời cổ – trung đại	HIST 615	6	**3**	42	6	102	

TT	Tên các học phần	Mã học phần	Học kì	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần/ số tín chỉ tiên quyết
					Lí thuyết	Thực hành, thực địa, thảo luận	Số giờ tự học, tự nghiên cứu	
75	Cải cách, đổi mới ở châu Á thời cận – hiện đại	HIST 703	6	**3**	42	6	102	
76	Lịch sử các cuộc cách mạng công nghiệp	HIST 705	6	**3**	42	6	102	
77	Khóa luận (Tương đương 2 chuyên đề tự chọn)	HIST 800	8	**6**	90	0	210	

c) Quy mô tuyển sinh

Căn cứ vào nhu cầu đào tạo và năng lực đội ngũ khả năng hợp tác đào tạo và điều kiện cơ sở vật chất phục vụ đào tạo hiện có, Khoa Lịch sử dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh như sau trong vòng 5 năm:

Năm học	Số lượng chỉ tiêu dự kiến
2025-2026	50-60
2026-2027	50-60
2027-2028	50-60
2028-2029	50-60
2029-2030	50-60

Khoa sẽ tổ chức lấy ý kiến khảo sát, phân tích, rút kinh nghiệm; tổ chức rà soát điều chỉnh chương trình, kế hoạch đào tạo ngay sau khóa đào tạo đầu tiên kết thúc.

IV. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO TRONG MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

V. ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN

1. Đề nghị của cơ sở đào tạo

Đề xuất mở ngành Lịch sử của Khoa Lịch sử phù hợp với chủ trương chiến lược phát triển Nhà trường, xu thế phát triển của đất nước và nhu cầu của xã hội.

Đối chiếu Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT (gọi là TT_02) ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của TT_02, Trường ĐHSP Hà Nội đã đáp ứng đủ điều kiện tổ chức đào tạo ngành Lịch sử.

Kính đề nghị Hội đồng Trường ĐHSP Hà Nội cho phép mở ngành đào tạo Lịch sử, trình độ đại học, mã số: 7229010.

2. Cam kết triển khai thực hiện

Khoa Lịch sử - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội cam kết triển khai thực hiện và đảm bảo đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về chất lượng đào tạo như đã trình bày trong Đề án. Ngoài ra, sẽ tiếp tục phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên và không ngừng đầu tư cơ

sở vật chất hiện đại phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu nhằm đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng đào tạo trong nước và khu vực quốc tế, tạo cơ hội việc làm cho sinh viên tốt nghiệp. Quy trình đào tạo đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của Trường và của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đề án mở ngành đào tạo được phê duyệt theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Nơi nhận:
- Ban Giám hiệu;
- Phòng Đào tạo;
- Lưu Văn phòng Khoa.

TRƯỞNG KHOA

(Kí và ghi rõ học hàm, học vị, họ và tên)

TS. Nguyễn Văn Ninh

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

PGS.TS. Nguyễn Đức Sơn